

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHỆ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-ST

Ngày: 13-4-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHỆ, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Lâm**

2. Ông Lương Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST – HS ngày 27 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST – HS ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/HSST – QĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Đình N (Tên gọi khác: Lê Q) – Sinh năm: 1990 tại phường HN, thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: TDP HPh1, phường HN, thị xã Nghệ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Lê Đình H (Đã chết) và bà: Lê Thị M – Sinh năm: 1952; Vợ: Nguyễn Thị Th – Sinh năm: 1988; Có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: Ngày 14/01/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Nghệ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST. Ngày 31/5/2021, Lê Đình N chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Ngày 23/9/2020, bị Công an huyện NC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 0056041, hiện bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Nhân thân:

- Ngày 10/9/2012, bị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định số 2926/QĐ-UB (NC). Ngày 11/7/2014, Lê Đình N đã chấp hành xong quyết định.

- Ngày 27/11/2012, bị Chủ tịch UBND huyện NhTh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 27/11/2014, Lê Đình N đã chấp hành xong quyết định.

- Ngày 08/8/2016, bị Công an huyện TGi (nay là thị xã NghS) tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Lê Đình N chưa nộp tiền phạt, tuy nhiên đến nay đã hết thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Ngày 27/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện NC xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 53/2016/HSST ngày 27/9/2016. Đến ngày 12/5/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù

- Ngày 20/01/2022, bị Công an thị xã NghS xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2021 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Vũ Thị Kh – Sinh năm: 1970; Trú tại: Thôn KT, xã HĐ, huyện HTr, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

*** Người làm chứng:**

- Anh Trần Văn S – Sinh năm: 1990; Trú tại: TDP NhH, phường HN, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

- Anh Lê Duy Th1 – Sinh năm: 1979; Trú tại: TDP HK, phường HN, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

- Anh Trần Anh M1 – Sinh năm: 1999; Trú tại: TDP HK, phường HN, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

- Anh Vũ Hồng D – Sinh năm: 1977; Trú tại: TDP HPh1, phường HN, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 45 phút ngày 06/11/2021, tổ công tác Công an thị xã NghS làm nhiệm vụ tuần tra đảm bảo an N trật tự tại tổ dân phố HPh1, phường HN, thị xã NghS thì phát hiện Trần Văn S – Sinh năm 1990 (trú tại tổ dân phố Nhân Hưng, phường HN, thị xã NghS) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Excité màu xám xanh, BKS: 36B6 – 078.31 chở phía sau là Lê Đình N – Sinh năm; 1990 (trú tại tổ dân phố HPh1, phường HN, thị xã NghS) đang lưu thông trên đường. Tổ công tác đã ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra, lúc này N liền ném từ tay trái của mình xuống mặt đường 01 vỏ bao thuốc lá Thăng long thì bị tổ công tác kịp thời phát hiện, thu giữ. Kiểm tra bên trong vỏ bao thuốc lá thấy có 01 túi nilon màu

trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy). Khai thác tại chỗ, N khai nhận các hạt tinh thể màu trắng đó là ma túy đá N tàng trữ để sử dụng và khi gặp Công an, do lo sợ nên N đã ném đi. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Đình N và Trần Văn S về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ và niêm phong số ma túy trên. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của N số tiền 385.000^d và thu giữ của Sơn 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Ecite màu xám xanh, BKS: 36B6-078.31 để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận giám định số 3402/PC09, ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng trong túi nilon thu giữ khi bắt quả tang nêu trên là ma túy, có khối lượng 0,389g (*Không thấy ba tám chín gam*), loại: Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Đình N khai nhận, toàn bộ số ma túy thu giữ khi bắt quả tang là của N mua của một người phụ nữ không quen biết ở khu vực CTr, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa với giá 500.000^d để sử dụng nhưng trên đường về đến khu vực phường HN, thị xã NghS thì bị Công an thị xã NghS phát hiện, bắt quả tang. Về người phụ nữ bán ma túy cho N, N khai không quen biết, không rõ danh tính người này nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở đề điều tra mở rộng vụ án.

Cũng tại CQĐT, N còn khai nhận Trần Văn S là người rủ N đi mua ma túy để cùng sử dụng. Số tiền mua ma túy là N vay của anh Lê Duy Th1 – Sinh năm 1979 (trú tại tổ dân phố Hồng Kỳ, phường HN, thị xã NghS), N và Sơn thỏa thuận với nhau mỗi người sẽ chịu 250.000^d tiền mua ma túy. Tuy nhiên, Sơn không thừa nhận điều đó. Ngoài lời khai của N thì không có thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc Sơn đã rủ và thỏa thuận góp tiền mua ma túy với N nên không đủ căn cứ để xác định Sơn đồng phạm với N trong vụ án này.

Đối với anh Lê Duy Th1 là người đã cho N vay tiền, anh Th1 khai nhận không biết việc N vay để mua ma túy.

Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nêu trên, quá trình điều tra còn xác định, trước đó vào ngày 05/11/2021, Lê Đình N còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Công an thị xã NghS xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án:

- 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng nhỏ. Qua giám định là ma túy, loại Methamphetamine; 0,358g các hạt tinh thể màu trắng được xác định là ma túy, loại Methamphetamine; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng số tiền 385.000^d; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh đã qua sử dụng, bên trong lắp sim 0896.537.941 và sim 0399.451.372 (*thu giữ của Lê Đình N*).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám xanh, BKS: 36B6-078.31 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu hồng đen, bên trong lắp sim 0398.304.164 (*thu giữ của Trần Văn S*).

Sau khi xác minh nguồn gốc tài sản, đồ vật thu giữ, xét thấy chiếc mô tô và điện thoại di động Nokia 1280 thu giữ của Trần Văn S không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho Sơn và trả chiếc xe mô tô lại cho bà Vũ Thị Kh (mẹ vợ của Sơn), là chủ sở hữu tài sản.

Các vật chứng còn lại hiện đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

Bản cáo trạng số: 28/CT – VKSNS ngày 27/01/2022 của VKSND thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Đình N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

**Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS.

Tuyên bố bị cáo Lê Đình N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lê Đình N là từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 06/11/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy:

01 phong bì do phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Như Ng, Lê Minh T2 và các hình dấu của phòng KTHS – Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong đựng toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M1 và 0,358g (*Không thấy ba năm tám gam*) các hạt tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định.

01 phong bì do phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Thị Bích Ng2, Lê Ngọc H2 và các hình dấu của phòng KTHS – Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng có bầm dính các hạt tinh thể màu trắng nhỏ.

+ Trả lại cho bị cáo:

01 phong bì màu trắng được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Đình N, Lê Ngọc B, Lê Ngọc H2, Lê Văn L. Bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số seri 1: 353109112724127, số seri 2: 353109113724126, bên trong lắp sim số 0896537941 và sim số 0399451372. Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy.

01 phong bì do Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Phương D2, Lê Ngọc H2. Bên trong đựng

số tiền 385.000^d (Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng), không có kết luận tiền thật, giả.

(Theo phiếu nhập kho số NK2022/46 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa).

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Bị cáo thống nhất với tội danh mà VKSND thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa truy tố, không có tranh luận gì. Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thị xã NghS, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã NghS, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo Lê Đình N khai nhận vào hồi 13 giờ 45 phút ngày 06/11/2021, tại tổ dân phố HPh1, phường HN, thị xã NghS, tỉnh Thanh Hoá, Lê Đình N có hành vi tàng trữ trái phép 0,389g Methamphetamine thì bị Công an thị xã NghS phát hiện, bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai tại CQĐT, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Lê Đình N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an N ở địa phương, ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe của bản thân và ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hiện nay, tình trạng

những thanh thiên có tuổi đời còn rất trẻ nhưng đã sớm bỏ học, chơi bời lêu lổng và lún sâu vào con đường nghiện ngập ma túy đang có chiều hướng gia tăng. Loại chất ma túy mà những đối tượng này sử dụng ngày càng đa dạng. Ma túy còn được xem là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử và buộc bị cáo phải chịu một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình là cần thiết.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo là người có tiền án, tiền sự và nhân thân xấu. Cụ thể: Bị cáo 01 lần bị Tòa án nhân dân thị xã NghS đưa ra xét xử và tuyên phạt mức án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 31/5/2021. Bị cáo đã chấp hành xong Bản án nhưng chưa được xóa án tích; Ngày 23/9/2020 bị Công an huyện NC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 0056041, hiện bị cáo chưa nộp tiền phạt. Ngoài ra bị cáo còn nhiều lần bị TAND huyện NC, các cơ quan Công an các huyện NC, thị xã NghS, Như Thanh xét xử và xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi trộm cắp tài sản, sử dụng trái phép chất ma túy; bị Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Bị cáo đang có tiền án mà lại phạm tội, qua đó dễ thấy rằng bị cáo quá xem thường pháp luật, không thể tự rèn luyện, cải tạo để trở thành người công dân có ích cho xã hội. Vì vậy nghĩ cần áp dụng Điều 38 BLHS cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ để lượng giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng là để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật. Đó là, quá trình điều tra và tại phiên tòa, nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy

- 01 phong bì do phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Như Ng, Lê Minh T2 và các hình dấu của phòng KTHS – Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong đựng toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M1 và 0,358g (*Không thấy ba năm tám gam*) các hạt tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 phong bì do phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Thị Bích Ng2, Lê Ngọc H2 và các hình dấu của phòng KTHS – Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng có bám dính các hạt tinh thể màu trắng nhỏ.

+ Trả lại cho bị cáo:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số seri 1: 353109112724127, số seri 2: 353109113724126, bên trong lắp sim số 0896537941 và sim số 0399451372. Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy. Qua điều tra xác minh bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 385.000^d (*Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), không có kết luận tiền thật, giả. Đây là số tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

(*Theo phiếu nhập kho số NK2022/46 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa*).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng". Nhưng do bị cáo không có nghề nghiệp, lại đang bị tạm giam. Nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt phụ đối với bị cáo.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Lê Đình N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Lê Đình N 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 06/11/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu tiêu hủy:

01 phong bì do phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Như Ng, Lê Minh T2 và các hình dấu của phòng KTHS – Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong đựng toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M1 và 0,358g (*Không thấy ba năm tám gam*) các hạt tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định.

01 phong bì do phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Thị Bích Ng2, Lê Ngọc H2 và các hình dấu của phòng KTHS – Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng có bám dính các hạt tinh thể màu trắng nhỏ.

+ Trả lại cho bị cáo:

01 phong bì màu trắng được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Đình N, Lê Ngọc B, Lê Ngọc H2, Lê Văn L. Bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số seri 1: 353109112724127, số seri 2: 353109113724126, bên trong lắp sim số 0896537941 và sim số 0399451372. Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy.

01 phong bì do Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Phương D2, Lê Ngọc H2. Bên trong đựng số tiền 385.000^d (*Ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*), không có kết luận tiền thật, giả.

(Theo phiếu nhập kho số NK2022/46 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã NghS, tỉnh Thanh Hóa).

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 các điểm a khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I và điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình N phải chịu **200.000^d** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND thị xã NghS;
- Cơ quan CSĐT-CA thị xã NghS;
- Nhà tạm giữ - CA thị xã NghS;
- Chi cục THADS thị xã NghS;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga